UBND XÃ Hồng Hưng

Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**9.318.000**	**TỔNG SỐ CHI**	**9.318.000**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	65.000	I. Chi đầu tư phát triển	4.500.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	4.915.000	II. Chi thường xuyên	4.818.000
III. Thu bổ sung	4.338.000	III. Dự phòng (Tiết kiệm 10%)	
- Bổ sung cân đối			
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

UBND XÃ Hồng Hưng **Biểu số 109/CK TC-NSNN**

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	**34.854.000**	**9.318.000**
I	**Các khoản thu 100%**	**65.000**	**65.000**
	Phí, lệ phí	15.000	15.000
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	20.000	20.000
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Thu khác	30.000	30.000
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**30.451.000**	**4.915.000**
1	Các khoản thu phân chia	271.000	271.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	45.000	45.000
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	26.000	26.000
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	200.000	200.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	**30.180.000**	**4.644.000**
	- Tiền Sử dụng đất	30.000.000	4.500.000
	- Thuế GTGT	120.000	96.000
	- Thuế TNCN	60.000	48.000
	…		
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**		
IV	**Thu chuyển nguồn**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**		
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**4.338.000**	**4.338.000**
	- Thu bổ sung cân đối	4.338.000	4.338.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu		

UBND XÃ Hồng Hưng **Biểu số 110/CK TC-NSNN**

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	**9.318.000**	**4.500.000**	**4.818.000**
	Trong đó			
1	Chi giáo dục	1.018.600	1.000.000	18.600
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
3	Chi y tế	18.600		18.600
4	Chi văn hóa, thông tin	40.300		40.300
5	Chi phát thanh, truyền thanh	53.000		53.000
6	Chi thể dục thể thao	20.000		20.000
7	Chi bảo vệ môi trường	60.000		60.000
8	Chi các hoạt động kinh tế	3.580.000	3.500.000	80.000
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.290.300		4.290.300
10	Chi cho công tác xã hội	171.800		171.800
11	Chi khác			
12	Dự phòng ngân sách (Tiết kiệm 10%)	65.400		65.400

UBND XÃ Hồng Hưng **Biểu số 111/CK TC-NSNN**

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2022	Dự toán năm 2023			
						Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân					Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ									
1. Công trình chuyển tiếp		59.734.370		57.457.180	50,457.270	4.500.000	4.500.000	4.500.000	
- Công trình trường THCS	2016	32.232.330		31.869.590	30.760.150	1.000.000	1.000.000	1.000.000	
- Công trình đường GTNT	2021	27.502.040		25.587.590	19.945.120	3.500.000	3.500.000	3.500.000	
Trong đó: hoàn thành trong năm									
-									
-									
2. Công trình khởi công mới									
-									
-									
Trong đó: hoàn thành trong năm									
-									
-									
…									

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh

UBND XÃ Hồng Hưng **Biểu số 112/CK TC-NSNN**

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022			KẾ HOẠCH NĂM 2023		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	**73.666,30**	**73.666,30**	**0**	**73.666,30**	**73.666,30**	**0**
- chi hộ tiền điện hộ nghèo, hộ hưởng BTXH có lượng điện tiêu thụ dưới 50 Kw/ tháng	40.608,20	40.608,20	0	40.608,20	40.608,20	0
- Thu hộ quỹ PCTT năm 2022	14.336,00	14.336,00	0	14.336,00	14.336,00	0
- Chi hộ thù lao thuế, quỹ PCTT	8.322,10	8.322,10	0	8.322,10	8.322,10	0
- Chi hộ khác	10.400,00	10.400,00	0	10.400,00	10.400,00	0
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+ …						
…						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi